

Số: **184/2024/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 144; khoản 2 điều 149; điều 150; điều 212; điều 213 và điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 51, điều 54, điều 55; điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh V T H, sinh năm 1992

Hộ chiếu số: N***** do Đại sứ quán Việt Nam tại Nga cấp ngày 14/12/2017. Nơi ở: R, H 26 (Nga); Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại Việt Nam: thôn T, xã A T, thành phố H D, tỉnh Hải Dương.

Chị N T H, sinh năm 1992.

Căn cước công dân số: ***** do Cục QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021; nơi thường trú và nơi ở: Tk T C, thị trấn P X, huyện P X, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 06 năm 2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 06 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể:

Về tình cảm: Anh V T H và chị N T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện P X, thành phố Hà Nội ngày 23/11/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Anh H và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Anh V T H và chị N T H không có nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh V T H và chị N T H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận chị N T H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0023422 ngày 21/06/2014 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị N T H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh V T H và chị N T H. Anh V T H và chị N T H được ly hôn.

- Về con chung: Anh V T H và chị N T H không có nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh V T H và chị N T H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận chị N T H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0023422 ngày 21/06/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị N T H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND xã N T, huyện P X, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án; văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Hạnh